UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - tự do - hạnh phúc

Số: 845 /QĐ-SNN

Hưng Yên, ngày 10 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tạm phân bổ chi phúc lợi

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Căn cứ Luật NSNN ngày 25/6/2015 và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/20216 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một sô điều của Luật NSNN;

Căn cứ Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 15/6/2021 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy Sở Nông nghiệp và PTNT Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của Sở Nông nghiệp và PTNT: số 699/QĐ-SNN ngày 25/12/2020 về việc giao dự toán kinh phí năm 2021; số 439/QĐ-SNN ngày 18/8/2021 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét đề nghị của Văn phòng Sở và Chủ tịch Công đoàn cơ quan Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm phân bổ chi **13.200.000 đồng** ***(Mười ba triệu hai trăm ngàn đồng chẵn)*** từ nguồn kinh phí thực hiện tự chủ năm 2021 của cơ quan Sở Nông nghiệp và PTNT chi ngày sinh nhật cho cán bộ, công chức và người lao động Cơ quan Sở Nông nghiệp và PTNT.

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Chủ tịch Công đoàn cơ quan Sở phối hợp với phòng KH-TC-TTNN quản lý và sử dụng khoản kinh phí trên đúng mục đích, đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và pháp luật.

Điều 3. Chánh văn phòng Sở, Trưởng phòng KH-TC-TTNN, Kế toán trưởng Sở, Chủ tịch Công đoàn cơ quan Sở và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo Sở;
- Như Điều 3;
- KBNN tỉnh;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH HƯNG YÊN

Đỗ Minh Tuân

UBND tỉnh Hưng Yên
Sở Nông nghiệp và PTNT

PHỤ LỤC CHI TIỀN SINH NHẬT CBCC NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 845 /QĐ-SNN ngày 10 tháng 12 năm 2021

STT	Họ Và Tên	Số tiền	Chi chú
01	Đỗ Minh Tuân	300.000	
02	Lê Trung Cần	300.000	
03	Nguyễn Văn Tráng	300.000	
04	Nguyễn Văn Kình	300.000	
05	Vũ Văn Điệp	300.000	
06	Nguyễn Kiên Hưng	300.000	
07	Nguyễn Thị Thường	300.000	
08	Nguyễn Thị Bích Vân	300.000	
09	Bùi Minh Việt	300.000	
10	Nguyễn Văn Bính	300.000	
11	Nguyễn Thị Hoa	300.000	
12	Phạm Thị Huyền Thanh	300.000	
13	Nguyễn Thị Minh	300.000	
14	Nguyễn Thành Trung	300.000	
15	Nguyễn Đức Minh	300.000	
16	Lê Văn Hứng	300.000	
17	Bùi Thị Hiền	300.000	
18	Vũ Trọng Tín	300.000	
19	Nguyễn Văn Hanh	300.000	
20	Đồng Thị Phượng	300.000	
21	Nguyễn Thị Thu	300.000	
22	Nguyễn Quang Minh	300.000	
23	Bùi Trường Giang	300.000	
24	Nguyễn Đức Toàn	300.000	
25	Đặng Thị Huyền	300.000	
26	Ngô Văn Cương	300.000	
27	Đỗ Trung Kiên	300.000	
28	Trần Văn Khánh	300.000	
29	Nguyễn Quang Hùng	300.000	

30	Phùng Thị Hoa	300.000	
31	Vũ Xuân Tùng	300.000	
32	Trần Hoàng Long	300.000	
33	Hoàng Thị Ngọc	300.000	
34	Phạm Thị Huyên	300.000	
35	Nguyễn Văn Hùng	300.000	
36	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	300.000	
37	Phạm Sỹ Hiệp	300.000	
38	Bùi Mạnh Quân	300.000	
39	Nguyễn Việt Anh	300.000	
40	Đỗ Thùy Trang	300.000	
41	Nguyễn Thị Thúy Hằng	300.000	
42	Đặng Thị Yến	300.000	
43	Nguyễn Văn Hiền	300.000	
44	Nguyễn Thị Thanh Mai	300.000	
	Cộng	**13.200.000**	